

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2020/DSPT

Ngày: 06/7/2020

V/v tranh chấp "*Quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em**

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Huyện

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Quốc Nam** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị T Xuân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 06 và ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "*Quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" Do bản án dân sự sơ thẩm số 180/2019/DSST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 260/2020/QĐPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp Đông B, xã Nhị Bình, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp M, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2017). (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1958. Địa chỉ: tổ 22, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2017). (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 279, đường Nguyễn Chí Công, Khu 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đại diện Theo pháp luật : ông Nguyễn Quốc T, chức vụ : Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện. Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Cập, sinh năm 1965, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/02/2018)

2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Địa chỉ : ấp hậu Quới, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn C, chức vụ Chủ tịch UBND xã.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân xã. (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2018)

3. Bà Phan Thị , sinh năm 1946. (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Xuân L, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà U, chị L: Ông Phan Văn H, sinh năm 1958. Địa chỉ: tổ 22, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2017)

5. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1966. (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. (vắng mặt)

7. Chị Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 2001. (vắng mặt)

8. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 2003. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. Chị Nguyễn Thị Diệu T3, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Chánh 4, xã H2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10. Chị Nguyễn Thị Yến Ly, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 188/29/25, L, khu phố 6, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Chị Nguyễn Thị Yến K, sinh năm 1989. (vắng mặt)

12. Chị Nguyễn Thị Yến K2, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Do có kháng cáo của: Bị đơn anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn M cưới nhau vào năm 1977, không có đăng ký kết hôn. Hai ông bà có hai con chung tên Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1981 và Phan Thị Kim Thủy sinh năm 1984. Năm 1978 hai vợ chồng bà T được bà Đặng Thị Bộ là mẹ của ông M tặng cho hai thửa đất, đến năm 1998 mới được cấp giấy gồm thửa số 82, diện tích 2.377 m², mục đích sử dụng V+T (nay là thửa 114 tờ bản đồ số 2, diện tích 215,2 m², mục đích sử dụng cây lâu năm; thửa 115, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.901,6 m², mục đích đất ở nông thôn 300 m² và đất trồng cây lâu năm 1.601,6 m²) và thửa số 85 diện tích 6.905 m², mục đích sử dụng là đất lúa (nay là thửa thửa đất số 56, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.217,1 m²). Các thửa đất này tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2000 ông Phạm Văn M bị bệnh mù cả hai mắt và bà đi làm ăn xa nên cho bà Phan Thị U em ruột ông M thuê thửa số 85 diện tích 6.905 m², ngày 07 tháng 9 năm 2004 ông M làm thủ tục tặng cho hai thửa đất này cho bà Phan Thị U và sau đó bà U đã tặng cho các thửa đất này cho anh Nguyễn Văn V. Do đây là T sản chung của vợ chồng bà nên ông M ký tặng cho toàn bộ T sản này là không đúng và ông M bị mù hai mắt nhưng khi ký tên vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có người làm chứng là không đúng quy định của pháp luật. Nay bà T yêu cầu:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 78/CN ngày 20/8/2004 của UBND xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 885656 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2004 cho hộ bà Phan Thị U; chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chỉnh lý trang 4 cho ông Nguyễn Văn V, cùng ngụ ấp M, xã H huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/02/2017.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05 quyền số 1 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 16/01/2017 của UBND xã H huyện C tỉnh Tiền Giang, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 314488 số vào sổ CH 03712 do UBND huyện C cấp ngày 10/10/2013 cho hộ bà Phan Thị U và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chỉnh lý trang 4 cho ông Nguyễn Văn V cùng ngụ ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/02/2017.

- Buộc ông Nguyễn Văn V trả lại toàn bộ 03 thửa đất gồm: Thửa 56, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.217,1 m² và thửa 114 tờ bản đồ số 2, diện tích 215,2 m²,

mục đích sử dụng cây lâu năm (thực tế là khu mộ); thửa 115, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.901,6 m², mục đích đất ở nông thôn 300 m² và đất trồng cây lâu năm 1.601,6 m² tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Phan Văn H đồng thời đại diện ủy quyền cho Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lan, bà U trình bày:*

Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị T chung sống như vợ chồng khoảng từ 1984 đến 1988 thì bà T bỏ đi. Nguồn gốc các thửa đất đang tranh chấp là do ông Phạm Văn M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/02/1998. Năm 2000 ông M bị bệnh mù cả hai mắt nên để bà Phạm Thị U canh tác các thửa đất này. Sau đó năm 2004 ông M tặng cho toàn bộ các thửa đất này cho bà U. Bà U canh tác đến năm 2017 thì tặng cho lại cho anh Nguyễn Văn V là phù hợp qui định của pháp luật. Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà T là không phù hợp nên không đồng ý.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện C trình bày: Tại Công văn số 438/UBND –NC ngày 20/03/2018 của UBND huyện C xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03712/BM314488 ngày 10/10/2013 (được Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện C xác nhận ngày 15/02/2017) và số 2168/885656 ngày 07/9/2014 (được Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện C xác nhận ngày 15/02/2017) cho ông Nguyễn Văn V là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Ủy ban nhân dân xã H trình bày:

Việc lập thủ tục Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 78/CN ngày 20/8/2004 giữa ông Phan Văn M và bà Phan Thị U tại thửa số 82, tờ bản đồ HMBC1 diện tích 2377 m² và thửa số 85, tờ bản đồ số HMMBC1, diện tích 6905 m² tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang và Hợp đồng tặng cho QSDĐ số 05 quyền số 01 TP/CC- SCT/HĐGD ngày 16/01/2015 giữa bà Phan Thị U và ông Nguyễn Văn V toàn bộ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.217,1 m², thửa đất số 114, tờ bản đồ 2, diện tích 215,2 m², thửa đất số 115, tờ bản đồ 2, diện tích 1901,6 m² tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là chứng thực đúng theo Nghị Định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực và Nghị định số 23/2015/NĐ, ngày 16/2/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực Hợp đồng, giao dịch. Đồng thời không thống nhất về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên vì:

“Vào ngày 20/8/2004 bà Phan Thị U thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Phan Văn M là có sự thống nhất giữa các anh em trong gia tộc tuy ông Phan Văn M bị mù lòa nhưng vẫn còn ý thức và minh mẫn”

“Vào ngày 16/01/2017 bà Phan Thị U thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn V là hoàn toàn phù hợp vì phần đất này là do bà Phan Thị U đang đứng tên quyền sử dụng đất”.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Ánh, bà Nguyễn Thị Tiên, chị Nguyễn Thị Minh Thư, anh Nguyễn Văn Tân, chị Nguyễn Thị Diệu Thu, chị Nguyễn Thị Yên Ly, chị Nguyễn Thị Yên Kha, chị Nguyễn Thị Yên Khôi: Không tranh chấp và yêu cầu gì về việc giải quyết vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 180/2019/DSST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 188, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 116, 117, 407 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Điều 27, 28 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 78/CN được ký ngày 20/8/2004 giữa ông Phan Văn M và bà Phan Thị U.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05 quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 16/01/2017 được ký giữa bà U, ông Ánh, bà Tiên và anh V.

- Buộc anh Nguyễn Văn V trả lại quyền sử dụng đất diện tích 3.217,1 m² nằm trong thửa 56, tờ bản đồ số 03, diện tích 6.217,1 m² tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Nguyễn Thị T. (có sơ đồ kèm theo)

- Giao toàn bộ thửa đất số 114, tờ bản đồ 2, diện tích 215,2 m² và thửa 115, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.901,6 m² và T sản gắn liền trên đất tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục quản lý sử dụng và sở hữu.

Bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn V được quyền đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cấp đổi đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật.

2/ Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 885656 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2004 cho hộ bà Phan Thị U; chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chỉnh lý trang 4 cho ông Nguyễn Văn V, cùng ngụ ấp M, xã H huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/02/2017 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 314488 số vào sổ CH 03712 do UBND huyện C cấp ngày 10/10/2013 cho hộ bà Phan Thị U và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chỉnh lý trang 4 cho ông Nguyễn Văn V cùng ngụ ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/02/2017.

Bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 anh Nguyễn Văn V kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 180/2019/DSST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của anh Nguyễn Văn V còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về tố tụng: Bà T, anh V và bà U có người đại diện các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng đúng qui định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Theo đại diện ủy quyền của bà T trình bày bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn M chung sống với nhau vào năm 1977, không có đăng ký kết hôn. Ông bà có hai con chung tên Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1981 và Phan Thị Kim Thủy sinh năm 1984. Năm 1978 thì vợ chồng bà T được bà Đặng Thị Bộ là mẹ của ông M (chết năm 1981) tặng cho các thửa đất gồm thửa số 82, diện tích 2.377 m², mục đích sử dụng V+T (nay là thửa 114 tờ bản đồ số 2, diện tích 215,2 m², mục đích sử dụng cây lâu năm; thửa 115, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.901,6 m², mục đích đất ở nông thôn 300 m² và đất trồng cây lâu năm 1.601,6 m²) và thửa số 85 diện tích 6.905 m², mục đích sử dụng là đất lúa (nay là thửa thửa đất số 56, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.217, 1 m²). Các thửa đất này tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho không làm giấy tờ. Đến năm 1988 thì bà T và ông M thôi nhau bà T về xã Mỹ Phước, huyện C (nay là thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước) sinh sống. Đến năm 1991 thì bà T khai sinh cho 02 con đẻ cha là Phan Văn M (sinh năm 1945) tại xã Mỹ Phước. Khi bà T bỏ đi thì phần đất trên cho bà Phan Thị U thuê đến năm 1998 thì ông M kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000 thì ông M bị mù hai mắt về sống chung với bà U và tặng cho bà U hết tất cả các thửa đất trên đến năm 2017 thì bà U tặng cho lại con là Nguyễn Văn V, ông M chết năm 2014. Nay bà T cho rằng các phần đất trên là T sản chung của bà và ông M nên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bà Phan Thị U và các anh em của ông M không thừa nhận bà Nguyễn Thị T và ông M là vợ chồng chỉ là quan hệ trai gái với nhau từ năm 1984 đến năm 1988 thì bà T bỏ đi. Các phần đất tranh chấp là có nguồn gốc của cha mẹ ông M chết năm 1981 để lại cho ông M quản lý. Năm 1998 ông M mới đi kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời gian này bà T không còn sống chung ông M, bà T cho rằng được mẹ chồng cho vào năm 1978 là trước thời gian bà Bộ chết thì ông M, bà T pH đứng tên thì xem như mới có việc tặng cho nhưng bà T không có giấy tờ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập các phần đất trên từ năm 1978 đến 1998 (ông M đứng tên) là ai kê khai đăng ký để xác định đất này của bà Bộ chết để lại hay đất của ông M, bà T mà Tòa án lại công nhận các đất trên là T sản chung của ông M bà T, chia cho bà T ½ của thửa đất số 85 diện tích 6.905 m² là chưa có căn cứ.

Ngoài ra bà T cho rằng bà và ông M có 02 người con chung tên Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1981 và Phan Thị Kim Thủy sinh năm 1984 nhưng bà Phan Thị U và các anh em của ông M cùng những người xung quanh (có biên bản xác minh) không thừa nhận ông M và bà T có con chung mà cho rằng khi bà T về sống chung với ông M thì bà T đã có thai với người khác, thời gian sống chung ông M ở huyện C chị L sinh năm 1981, chị Thủy sinh năm 1984 nhưng bà T

không đăng ký khai sinh ở huyện C mà đến năm 1991 bà T lại đăng ký khai sinh cho chị L và chị Thùy tại xã Mỹ Phước, huyện C (nay là thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước) ghi tên cha là Phan Văn M sinh năm 1945 đến khi bà T tranh chấp quyền sử dụng đất với anh V phát hiện ông M sinh năm 1946 thì làm thủ tục cải chính, do bà T và ông M không có đăng ký kết hôn vì người đi khai sinh cho chị L chị Thùy là bà T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập thủ tục đăng ký khai sinh của bà T cho chị L và chị Thùy thì ông M có đơn xin nhận con hay không và thủ tục cải chính từ ông Phan Văn M sinh năm 1945 thành Phan Văn M sinh năm 1946 trên cơ sở nào mà xác định ông M và bà T có 02 con chung là chưa có căn cứ.

Nếu như chị L và chị Thùy là con của ông M, bà T và các phần đất trên là T sản chung của ông M bà T như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định. Ông M chết năm 2014 thì 50% T sản trên là di sản thừa kế của ông M khi giải quyết tòa án không đưa chị L, chị Thùy vào tham gia tố tụng với T cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà lại ghi nhận bà T tự nguyện cho anh V thừa đất số: 114 tờ bản đồ số 2, diện tích 215,2 m², mục đích sử dụng cây lâu năm; thửa 115, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.901,6 m², mục đích đất ở nông thôn 300 m² và đất trồng cây lâu năm 1.601,6 m² cho anh V trong đó có 50% là di sản thừa kế của ông M mà bà T tự định đoạt là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L và chị Thùy.

Từ những thiết sót nêu trên, cấp phúc thẩm không khắc phục được, để đảm bảo hai cấp xét xử. Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2019/DSST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Do án bị hủy nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp nhận định trên nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân.

Xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2019/DSST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Nguyễn Văn V được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002500 ngày 21/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 8 giờ 30 phU ngày 06 tháng 7 năm 2020 có mặt ông T, ông H, đại diện Viện kiểm sát.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em